

Trưởng nhóm phân tích
Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Giá chào sàn (15/01/2026): 16.200 VND

Thông số cơ bản:

Chỉ tiêu	KLB
Giá 52T cao/thấp (VND)	6.249 - 18.463
KLTB (10N) (CP)	580.897
Vốn hóa (Tỷ.đ)	9.677
SLCPLH (Tr.cp)	578
Giới hạn sở hữu NN	30,0%
Tỷ lệ sở hữu NN	1,4%
CP thả nổi	95,0%
Cổ đông lớn	21 cổ đông 70%

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinX

(Tỷ đồng)	2023	2024	9T2025
Tổng TS	86.973	92.176	97.716
Tín dụng	52.580	61.432	70.922
Huy động	60.357	67.450	75.881
LNST	574	887	1.228
BVPS (VNĐ)	15.762	16.258	13.268
EPS (VNĐ)	1.571	2.430	2.592
ROAE	10,5%	14,4%	21,5%
ROAA	0,7%	1,0%	1,6%
NIM	2,6%	3,9%	3,99%
CIR	59,2%	51,1%	37,9%
NPL	1,93%	2,02%	1,93%

KỲ VỌNG TĂNG TRƯỞNG TỪ MỨC NỀN TIỀM NĂNG

Ngày 15/01/2026, cổ phiếu KLB chính thức chào sàn HOSE với mức giá tham chiếu 16.200 đ/cp. Hoạt động kinh doanh của KLB đang ghi nhận nhiều điểm sáng:

- **Tốc độ tăng trưởng vượt trội trong giai đoạn 2024-9T2025** với lợi nhuận trước thuế tăng trưởng lần lượt 55% và 102% so với cùng kỳ. Kết quả lợi nhuận được hỗ trợ từ hệ số NIM thuộc nhóm cao nhất ngành, chất lượng nợ được kiểm soát, chi phí hoạt động giảm mạnh và thu hồi từ nợ xấu đã xóa có kết quả tích cực.
- **Chất lượng tài sản được quản lý tốt.** Danh mục tín dụng tập trung vào ngành xây dựng và thương mại với kỳ hạn trung dài hạn có NIM cao hơn so với trung bình ngành. Chất lượng nợ được quản lý tốt với tỷ lệ nợ xấu thấp hơn trung bình ngành và tỷ lệ bao phủ nợ xấu đang theo xu hướng cải thiện.
- **Hiệu quả sử dụng vốn thuộc nhóm đầu ngành.** ROE tại thời điểm cuối Q3.2025 đạt 21,5%, thuộc nhóm cao trong ngành và cao vượt trội so với nhóm NHTMCP quy mô nhỏ.
- **Định giá của KLB thấp so với hiệu quả hoạt động.** Giá chào sàn 16.200 đ/cp tương đương với P/B 1,22x, thấp hơn đáng kể so với P/B trung bình ngành Ngân hàng (1,69x) và thấp nhất so với các Ngân hàng có hệ số ROE tương đương. Nguyên nhân một phần do KLB giao dịch tại sàn UPCOM, có thanh khoản thấp hơn đáng kể so với sàn HSX.
- **Kỳ vọng tái định giá khi chuyển sang sàn HSX.** Với kết quả lợi nhuận dự kiến cả năm 2025 đạt 1.700 tỷ đồng (+91% YoY), P/B của KLB sẽ giảm xuống 1,14x, tương đương P/B trung bình giai đoạn 2017-2025. Có thể kỳ vọng KLB được tái định giá với hệ số định giá tiến đến trung bình ngành khi niêm yết và giao dịch trên sàn HSX.

RỦI RO

- Định hướng quản lý room tín dụng theo hướng thận trọng của NHNN làm giảm tốc độ tăng trưởng trong năm 2026.
- Rủi ro liên quan đến chất lượng nợ trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng tín dụng BĐS chịu kiểm soát không cao hơn tốc độ tăng chung của ngân hàng.

TỔNG QUAN VỀ KIÊN LONG BANK

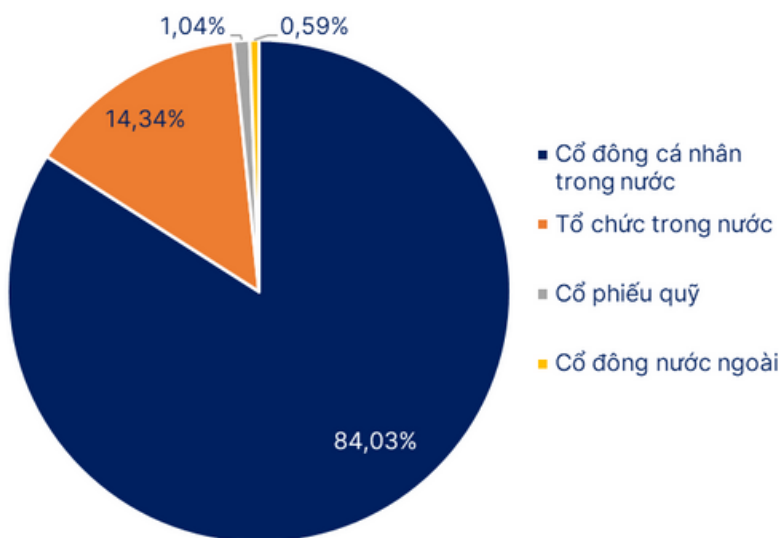
Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Kiên Long tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long, thành lập năm 1995 với vốn điều lệ 1,2 tỷ đồng. Năm 2006, KLB chuyển đổi mô hình từ Ngân hàng nông thôn thành ngân hàng đô thị, đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long, trụ sở tại An Giang và là doanh nghiệp có giá trị vốn hóa Top 1 tại địa phương này. Tại thời điểm cuối Q3.2025, KLB có vốn điều lệ 5.821,7 tỷ đồng, quản lý tổng tài sản 97.716 tỷ đồng, thuộc nhóm NHTMCP nhỏ nhất ngành. Hiện KLB có 1 hội sở tại Kiên Giang, 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, 31 chi nhánh và 103 phòng giao dịch cùng hệ thống 215 máy ATM – STM. Năm 2024, với sự tư vấn của KPMG và EY, KLB đã hoàn thiện chuẩn mực Basel III về thanh khoản và các tiêu chuẩn vốn. Việc hoàn thành Basel III giúp ngân hàng nâng cao năng lực tài chính, quản trị minh bạch và củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường.

Mô hình hoạt động

KLB có 1 công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long, KLB sở hữu 100%. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con là tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất, quản lý các khoản nợ vay và tài sản đảm bảo nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản đảm bảo, tái cơ cấu các khoản vay, mua bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng.

Cơ cấu cổ đông

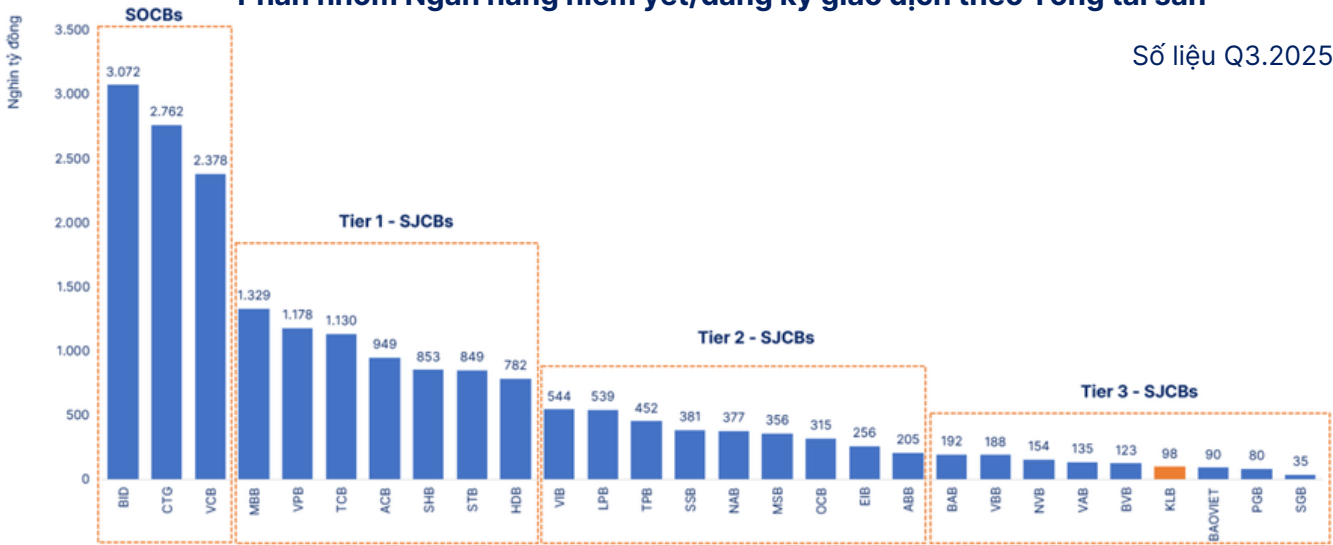


Cơ cấu cổ đông của KLB chủ yếu là cổ đông cá nhân và 14% thuộc sở hữu của tổ chức trong nước. Tại thời điểm tháng 7/2024, KLB đã công bố danh sách cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ Ngân hàng trở lên theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Theo đó KLB không có cổ đông lớn nằm trên 5% đối với cá nhân và 10% đối với doanh nghiệp.

VỊ TRÍ CỦA KLB TRONG NGÀNH

Phân nhóm Ngân hàng niêm yết/đăng ký giao dịch theo Tổng tài sản

Số liệu Q3.2025



Xét trong nhóm các Ngân hàng niêm yết, KLB thuộc nhóm các Ngân hàng có quy mô tài sản nhỏ dưới 200 nghìn tỷ đồng. Với quy mô nhỏ, KLB đang tăng trưởng nhanh về tín dụng và huy động, hiệu quả sử dụng vốn cao so với ngành. Định giá của KLB ở mức trung bình thấp trong ngành.

Bảng 1 - Các chỉ tiêu tài chính của KLB so với một số Ngân hàng Q3.2025

Nghìn tỷ đồng	TTS	CVKH	TOI	LNTT	NIM	NPL	LLCR	CIR	ROE	ROA	P/E	P/B
BID	3.072	2.237	61	24	2,1%	1,9%	95%	34,5%	17,3%	0,9%	11,4	1,9
CTG	2.762	1.991	64	30	2,6%	1,1%	176%	28,1%	21,1%	1,3%	8,9	1,8
VCB	2.378	1.630	53	33	2,6%	1,0%	202%	34,9%	16,8%	1,6%	15,2	2,4
MBB	1.329	931	48	23	4,0%	1,9%	79%	28,9%	20,2%	2,0%	8,8	1,7
VPB	1.178	896	52	20	5,4%	3,5%	55%	23,6%	14,0%	2,0%	11,2	1,5
TCB	1.130	767	39	23	3,7%	1,2%	121%	34,0%	14,2%	2,1%	11,6	1,6
ACB	949	669	26	16	3,0%	1,1%	84%	31,9%	19,9%	1,9%	7,3	1,4
SHB	853	608	23	12	3,8%	3,1%	57%	20,4%	19,1%	1,5%	6,4	1,2
STB	849	606	24	11	3,5%	2,8%	93%	45,2%	20,9%	1,6%	8,2	1,6
HDB	782	489	30	15	4,8%	2,9%	43%	28,5%	24,1%	2,0%	9,4	2,2
LPB	539	388	15	10	3,1%	1,8%	77%	28,7%	23,9%	2,0%	12,1	2,9
VIB	544	373	15	7,0	3,1%	3,3%	39%	36,1%	17,3%	1,5%	8,1	1,4
TPB	452	296	14	6,0	3,1%	2,2%	61%	38,1%	16,8%	1,6%	7,5	1,2
SSB	381	234	11	6,7	2,8%	2,0%	72%	29,2%	17,3%	1,9%	7,5	1,2
MSB	356	205	10	4,8	3,5%	2,8%	54%	39,8%	14,0%	1,6%	7,3	1,0
NAB	377	198	8	3,8	2,9%	2,7%	46%	38,6%	19,3%	1,3%	6,3	1,1
OCB	315	196	8	3,4	3,3%	3,7%	41%	37,4%	12,0%	1,3%	8,2	1,0
EIB	256	181	5	2,0	2,4%	3,0%	35%	45,4%	11,8%	1,2%	13,4	1,5
BAB	192	125	3	0,8	1,9%	1,1%	108%	61,4%	8,3%	0,6%	12,0	1,0
ABB	205	108	5	2,3	2,5%	2,6%	60%	38,0%	13,9%	1,1%	7,9	1,0
VBB	188	105	2	0,9	1,7%	2,7%	50%	47,6%	10,4%	0,5%	9,3	1,2
VAB	135	87	2	1,1	2,2%	1,8%	66%	32,2%	11,5%	0,8%	7,9	0,9
BVB	123	77	2	0,4	2,4%	3,2%	49%	57,0%	7,7%	0,5%	15,2	1,2
KLB	98	71	4	1,5	4,0%	1,9%	78%	37,8%	21,2%	1,6%	6,4	1,25

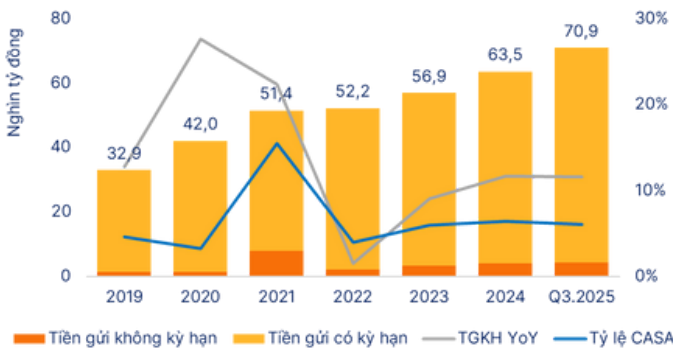
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KLB hoạt động trong mảng: 1/ Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi; 2/ Cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá; 3/ Cung ứng các phương tiện thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán, kinh doanh ngoại hối và thực hiện dịch vụ ngân hàng khác.

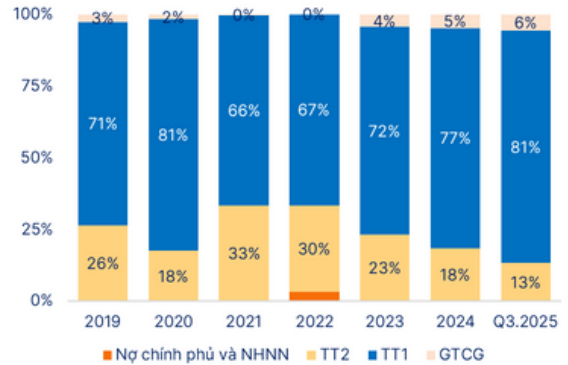
HUY ĐỘNG VỐN

Nguồn vốn huy động của KLB chủ yếu đến từ thị trường 1 với tỷ trọng 81% tại thời điểm cuối Q3.2025, trong đó tiền gửi của khách hàng cá nhân chiếm 96% tổng tiền gửi. KLB giảm tỷ trọng huy động trên thị trường liên ngân hàng, tăng tỷ trọng phát hành giấy tờ có giá nhằm chủ động hơn trong cân đối nguồn vốn.

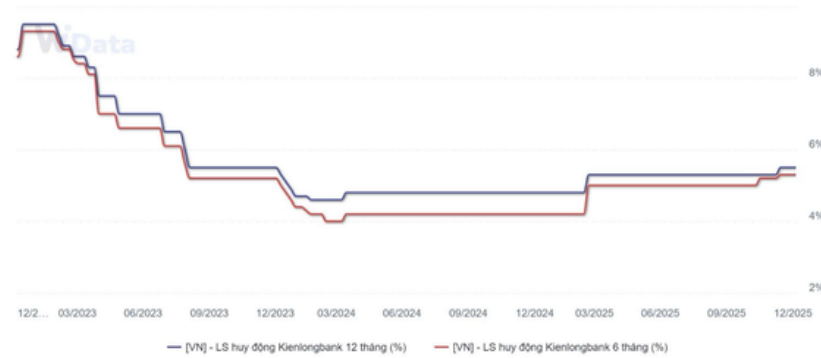
Tiền gửi khách hàng của KLB



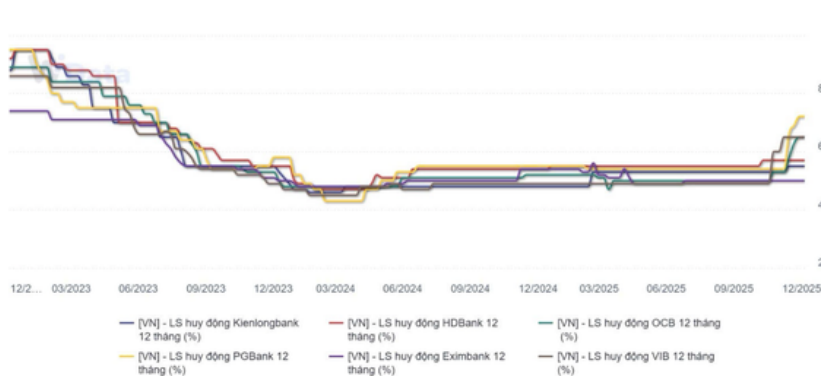
Cơ cấu huy động vốn của KLB



Lãi suất huy động của KLB



So sánh lãi suất huy động một số Ngân hàng



9T2025, KLB huy động 75.881 tỷ đồng, tăng trưởng 12,5% từ đầu năm, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 11,6% YTD, chiếm 93% tổng huy động, phát hành giấy tờ có giá tăng 26,8%. Tăng trưởng huy động của KLB tương đối tích cực với tỷ lệ LDR theo Thông tư 22 là 81%, thấp hơn so với trung bình ngành.

Lãi suất huy động đối với khách hàng cá nhân của KLB hiện khoảng 5,3% đối với kỳ hạn 6 tháng và 5,5% đối với kỳ hạn 12 tháng, ở mức trung bình so với một số ngân hàng so sánh. Ngân hàng tập trung phát triển các sản phẩm huy động đa dạng, hướng đến mở rộng tệp khách hàng và tối ưu chi phí vốn. Tỷ lệ CASA của KLB tại thời điểm cuối Q3.2025 đạt 6%, giảm nhẹ so với mức 6,43% thời điểm cuối năm 2024. Tỷ lệ CASA của KLB tương đối thấp so với ngành và ở mức trung bình so với các Ngân hàng quy mô nhỏ.

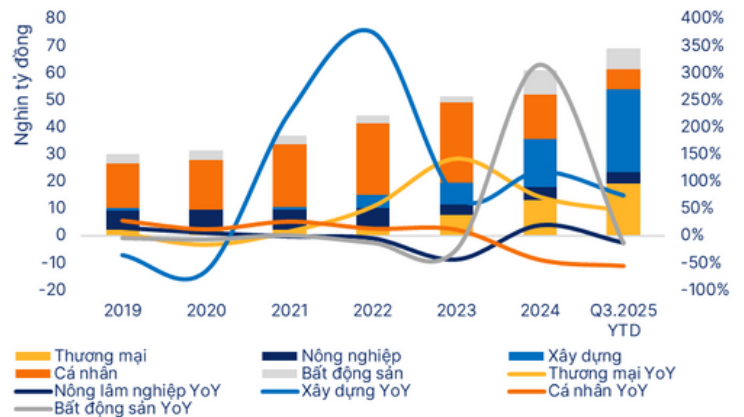
HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Năm 2024, dư nợ tín dụng của KLB là 61.432 tỷ đồng (+16,8% YoY), trong đó cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng 100%, đạt 61.432 tỷ đồng (+18,6% YoY), trái phiếu doanh nghiệp giảm 798 tỷ đồng (-100% YoY). 9T2025, KLB ghi nhận tăng trưởng tín dụng ấn tượng với dư nợ cho vay khách hàng đạt 70.922 tỷ đồng (tăng 9.490 tỷ đồng, +15,4% YTD, +19,6% YoY). Năm 2025, KLB được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 17%, tăng trưởng tín dụng cả năm dự kiến hoàn thành kế hoạch.

Tăng trưởng tín dụng của KLB

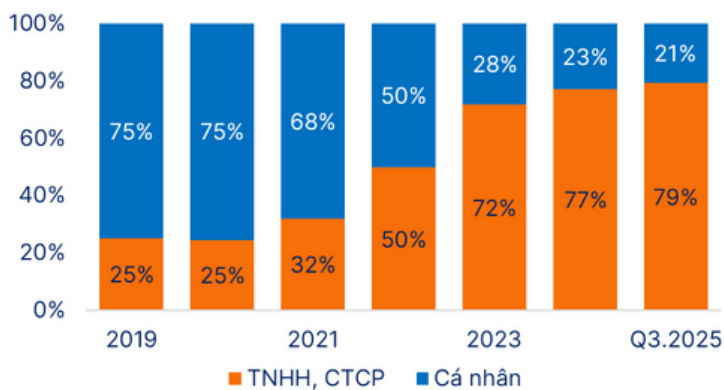


Tăng trưởng tín dụng phân theo ngành nghề

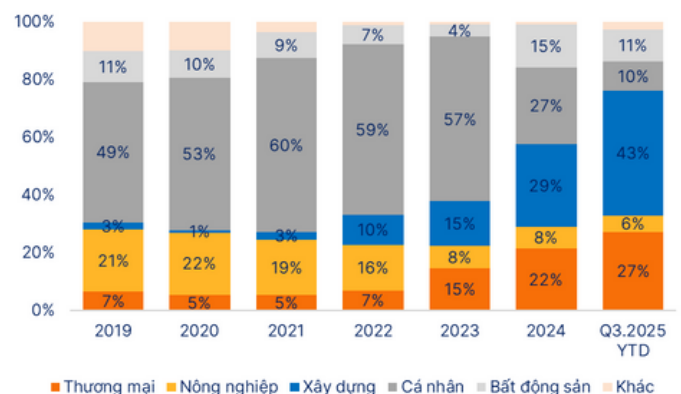


KLB có xu hướng dịch chuyển chiến lược, chuyển trọng tâm từ tín dụng cá nhân sang tín dụng doanh nghiệp, tập trung vào khối SMEs sau khi mảng tín dụng cá nhân gặp khó khăn sau đại dịch Covid 19. Tỷ trọng tín dụng cá nhân tại KLB giảm từ 75% năm 2019, trước thời điểm Covid xuống còn 21% tại thời điểm cuối Q3.2025. KLB cũng dịch chuyển mạnh về mạng lưới, tập trung tại khu vực TP.HCM.

Cơ cấu tín dụng phân theo khách hàng

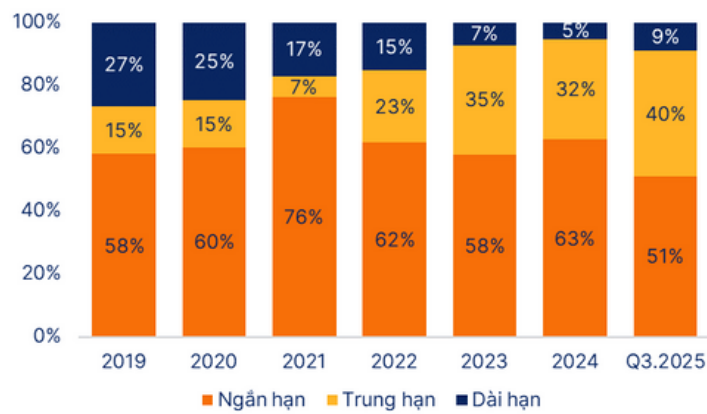


Cơ cấu tín dụng phân theo ngành nghề



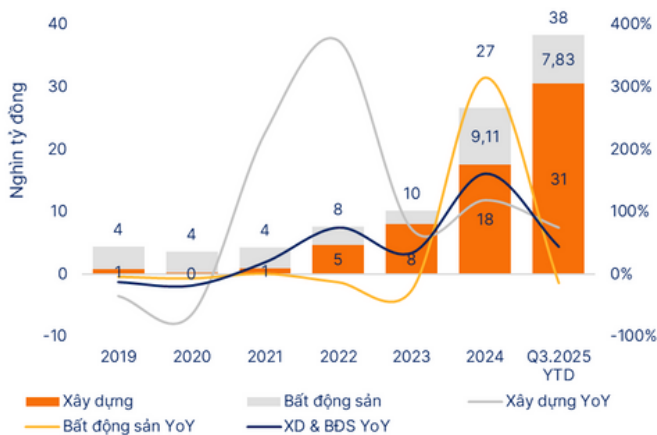
Cùng với sự dịch chuyển phân khúc khách hàng, cơ cấu tín dụng phân theo ngành nghề của KLB cũng có sự dịch chuyển trong giai đoạn 2019-2025. Tại thời điểm cuối Q3.2025, tín dụng phục vụ mục đích cá nhân và nông nghiệp chiếm 16%, trong khi tín dụng mảng thương mại và xây dựng tăng lên trở thành ngành nghề chiếm tỷ trọng chính với 70% tổng dư nợ.

Tín dụng phân theo kỳ hạn

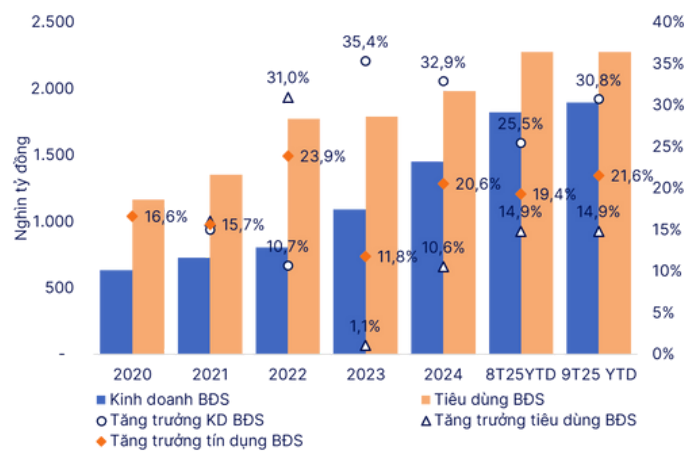


Tín dụng xây dựng và BĐS của KLB tăng mạnh quy mô từ năm 2022 và đặc biệt tăng tốc về giá trị trong giai đoạn 2024-2025, cùng xu hướng với tín dụng BĐS toàn hệ thống. Việc chuyển hướng tập trung vào tín dụng mảng xây dựng khiến tỷ trọng dư nợ trung dài hạn tăng lên 49% tại thời điểm cuối Q3.2025, so với mức 24% tại thời điểm cuối năm 2021.

Tín dụng mảng BĐS và XD của KLB



Tín dụng BĐS toàn hệ thống

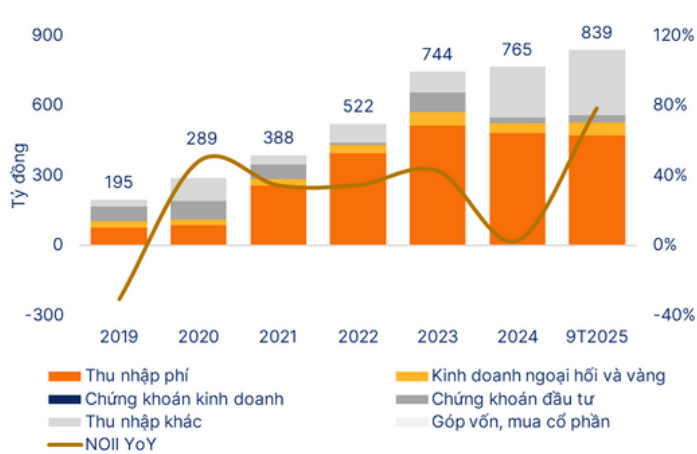


Chia sẻ từ KLB, Ngân hàng cho biết không trực tiếp cho vay dự án bất động sản. Thay vào đó, KLB triển khai chiến lược đa dạng hóa khách hàng vay, tập trung vào các khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh và nhu cầu cá nhân bên cạnh việc mở rộng khai thác thị trường BĐS khu vực nông thôn và thành thị. Trong khuôn khổ này, KLB hợp tác với các chủ đầu tư nhằm tiếp cận và tài trợ cho các nhóm khách hàng gồm: (i) các đối tác có năng lực tài chính mạnh hợp tác cùng chủ đầu tư triển khai dự án; (ii) các nhà thầu thi công dự án; (iii) khách hàng cá nhân có nhu cầu mua hoặc nhận chuyển nhượng sản phẩm tại dự án. Cách tiếp cận này giúp KLB chủ động tiếp cận khách hàng, đồng thời quản lý hiệu quả dòng tiền và nguồn thanh toán.

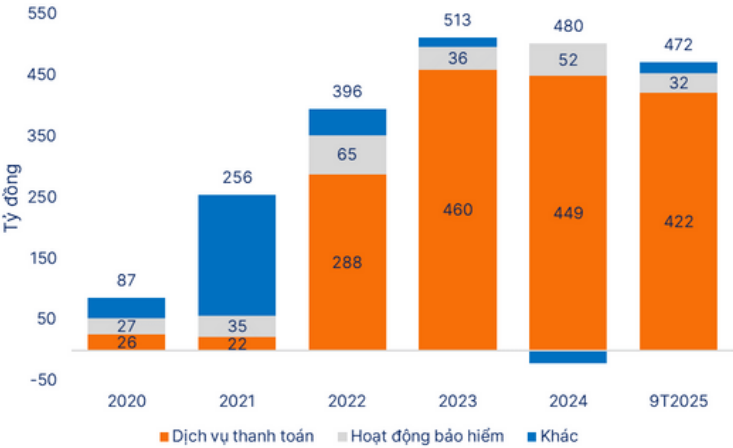
Lãi suất cho vay bình quân tháng kỳ tháng 12 của KLB hiện là 8,72%, chênh lệch lãi suất cho vay bình quân và lãi suất tiền gửi bình quân là 2,84%, mức khá cạnh tranh so với nhóm Ngân hàng quy mô nhỏ.

HOẠT ĐỘNG PHI TÍN DỤNG

Thu nhập ngoài lãi của KLB



Cơ cấu thu nhập phí của KLB



Thu nhập ngoài lãi đóng góp 19% tổng thu nhập hoạt động của KLB trong năm 2024 và tăng lên 23,6% trong 9T2025. Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong thu nhập ngoài lãi là thu nhập từ phí và thu nhập khác từ xử lý các khoản nợ xấu, với tỷ trọng lần lượt là 91% và 90% tổng thu nhập ngoài lãi trong năm 2024 và 9T2025.

Số lượng thẻ của KLB

Chỉ tiêu	2024
Thanh toán quốc tế	-10,64% YoY
Chuyển tiền	+35,73% YoY
Thẻ ghi nợ (thẻ)	518.085
Thẻ tín dụng (thẻ)	45.576
Máy ATM	241
Máy POS	7.686

Chi tiết về thu nhập phí, khoản đóng góp chủ yếu trong thu nhập phí của KLB là từ dịch vụ thanh toán qua thanh toán thẻ, chuyển tiền, thanh toán quốc tế với 449 tỷ đồng thu nhập trong năm 2024 và 422 tỷ đồng trong 9T2025. Năm 2024, KLB hoàn thành chuyển đổi Core thẻ nhằm hiện đại hóa hệ thống thẻ, hoàn thiện các tính năng đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ số. Về dịch vụ liên kết và tư vấn các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ, KLB là đối tác kinh doanh của AIA và Hanwha Life, đem lại 52 tỷ đồng từ phân phối bảo hiểm trong năm 2024 và 32 tỷ đồng trong 9T2025.

Tháng 4/2025, KLB ký thỏa thuận hợp tác toàn diện phân phối sản phẩm bảo hiểm nhân thọ với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir, theo mô hình không độc quyền, nhận hoa hồng phụ thuộc số lượng hợp đồng phân phối cho khách hàng. Việc đa dạng đối tác hợp tác bảo hiểm kỳ vọng giúp KLB cải thiện thu nhập từ việc kinh doanh bảo hiểm, trong bối cảnh thị trường bảo hiểm Việt Nam đang dần phục hồi.

Về thu nhập khác từ xử lý nợ xấu, năm 2024, KLB thu được 217 tỷ đồng từ xử lý nợ xấu, chiếm 28,4% tổng thu nhập ngoài lãi. 9T2025, KLB ghi nhận 279 tỷ đồng từ xử lý nợ xấu, tăng mạnh 136% YoY so với cùng kỳ, chiếm 33% tổng thu nhập ngoài lãi ghi nhận trong kỳ. Việc luật hóa Nghị quyết 42 giúp KLB triển khai hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản và tối ưu các nguồn thu bổ sung.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2023-2025 của KLB

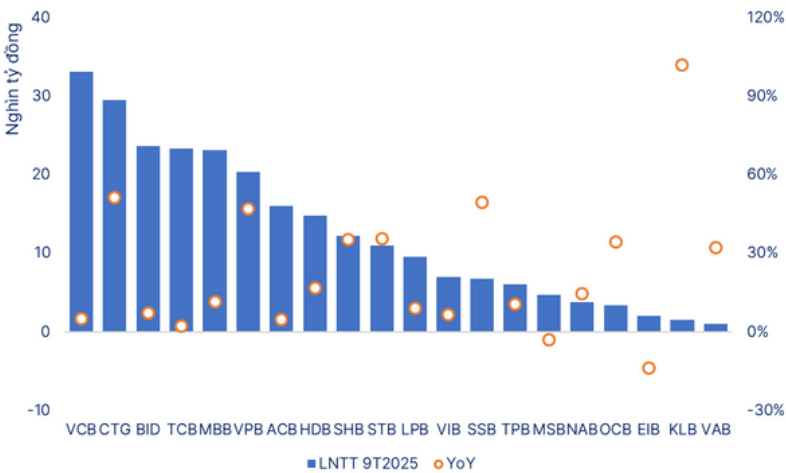
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2023	YoY	2024	YoY	9T2025	YoY
Thu nhập lãi thuần	2.038	-2,6%	3.191	56,6%	2.711	13%
Thu nhập ngoài lãi	744	42,7%	765	2,8%	839	78%
Thu nhập từ phí	513	29,5%	480	-6,3%	472	42%
Thu từ ngoại hối	59	69,2%	42	-29,0%	55	794%
Thu từ chứng khoán	82	954,6%	26	-68,9%	32	145%
Thu nhập khác	90	8,4%	217	141,6%	279	136%
Tổng TNHĐ	2.782	6,5%	3.957	42,2%	3.550	24%
Chi phí hoạt động	-1.646	12,8%	-2.022	22,8%	-1.346	-17%
Thu nhập trước chi phí	1.137	-1,5%	1.935	70,3%	2.204	76%
Chi phí DPRR TD	-418	-11,5%	-823	96,9%	-667	35%
LNTT	719	5,4%	1.112	54,7%	1.537	102%
LNST	574	5,4%	887	54,6%	1.228	102%

KLB ghi nhận kết quả lợi nhuận tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2024-2025. Kết quả lợi nhuận được hỗ trợ nhờ 1/ tín dụng tiếp tục mở rộng và hệ số NIM cải thiện giúp thu nhập từ lãi tăng trưởng tích cực; 2/ Tỷ lệ chi phí hoạt động giảm; và 3/ Thu nhập từ hoạt động thu hồi nợ gia tăng.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2019-2025 của KLB



Tăng trưởng LNTT 9T2025 thuộc nhóm cao nhất ngành

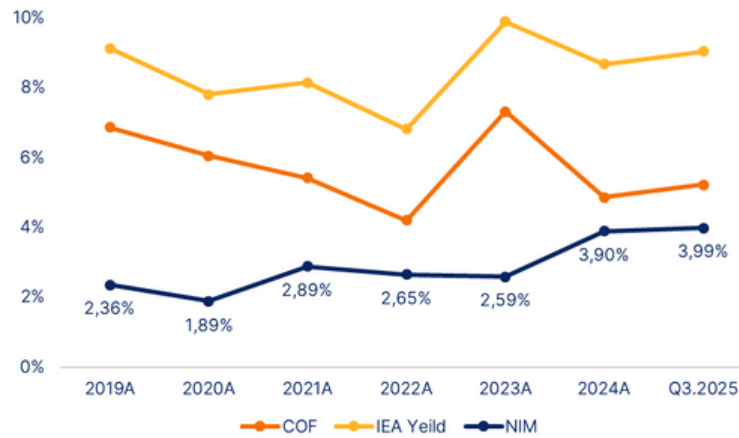


9T2025, KLB ghi nhận 1.537 tỷ đồng LNTT, tăng 102% so với cùng kỳ, gấp hơn 5 lần tăng trưởng lợi nhuận trung bình ngành. Trong đó tổng thu nhập hoạt động tăng 24% so với cùng kỳ nhờ thu nhập ngoài lãi tăng đột biến.

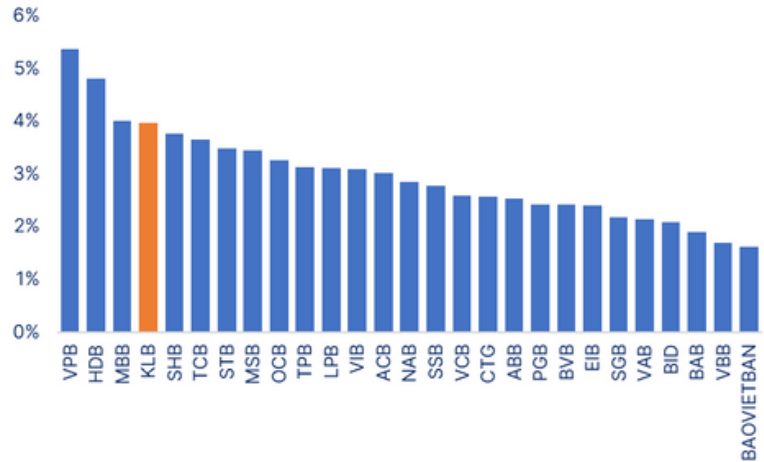
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

NIM cải thiện nhờ KLB tăng tỷ lệ cho vay trên huy động và dòng tín dụng dịch chuyển sang mảng xây dựng với kỳ hạn trung dài hạn giúp hỗ trợ NIM

Hệ số NIM của KLB giai đoạn 2019-2025

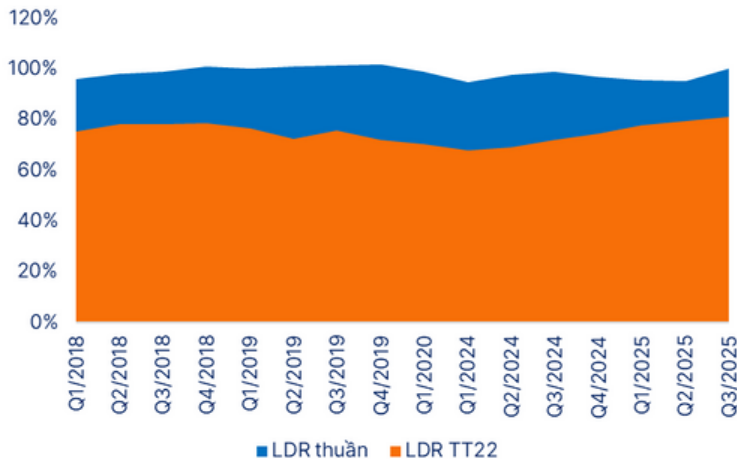


NIM của KLB cao thứ 4 toàn ngành



KLB ghi nhận NIM 3,9% trong năm 2024, tăng mạnh 131 điểm phần trăm so với năm 2023 nhờ chi phí vốn giảm mạnh hơn tốc độ giảm của lợi suất tài sản sinh lời. Việc sử dụng dòng vốn hiệu quả hơn, thể hiện ở LDR tăng và động thái chuyển hướng dòng tín dụng sang mảng xây dựng và BĐS, cân đối mảng nông nghiệp ở tỷ lệ hợp lý giúp KLB ghi nhận lợi suất tài sản sinh lời ở mức cao hơn so với trung bình ngành.

Tỷ lệ LDR cải thiện tích cực

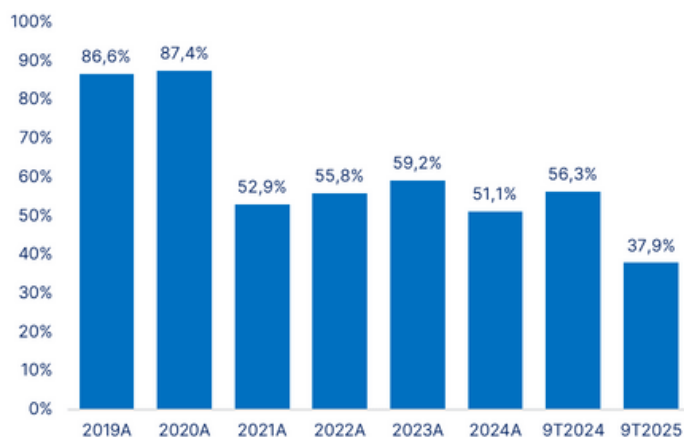


Tại thời điểm cuối Q3.2025, NIM của KLB tiếp tục tăng 9 điểm phần trăm, lên 3,99%, đi ngược xu hướng giảm nhẹ NIM của toàn hệ thống. NIM tiếp tục được hỗ trợ từ tỷ lệ LDR tăng, phân bổ dòng tín dụng vào ngành nghề, kỳ hạn có hệ số NIM cao và tỷ lệ nợ xấu giảm.

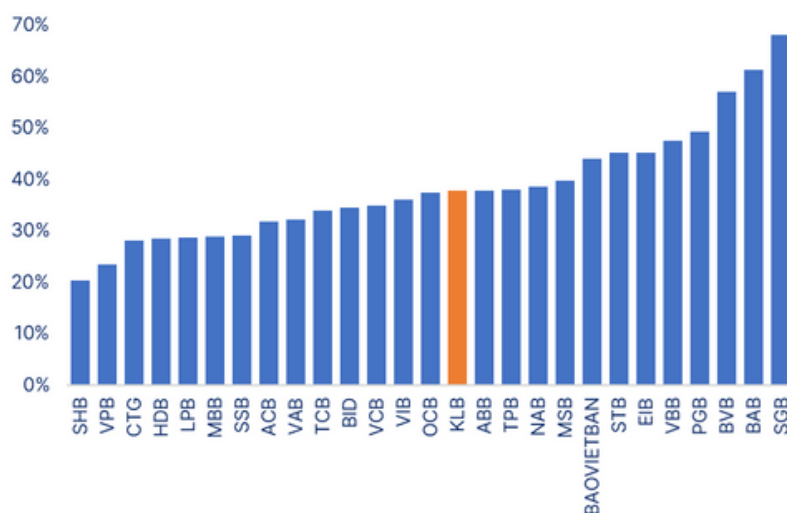
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập giảm mạnh trong 9T2025

Đặc thù Ngân hàng nông thôn quy mô nhỏ khiến chi phí hoạt động của KLB giai đoạn trước năm 2021 lên trên 80% thu nhập hoạt động. Chi phí hoạt động của KLB giảm xuống 53% từ năm 2021 khi quy mô và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng có cải thiện. Tại thời điểm năm 2024, chi phí nhân viên và chi phí về tài sản chiếm lần lượt 65% và 13% tổng chi phí hoạt động của KLB.

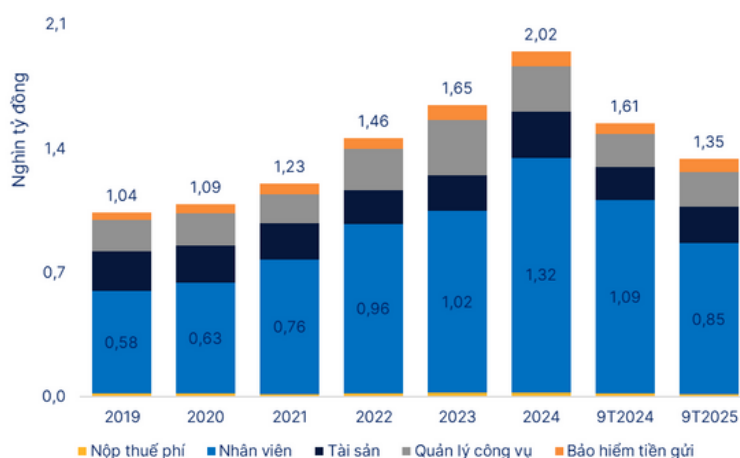
Tỷ lệ CIR giảm mạnh trong năm 2025



Tỷ lệ CIR một số ngân hàng TTM tính đến Q3.2025



Các khoản mục chi phí hoạt động của KLB



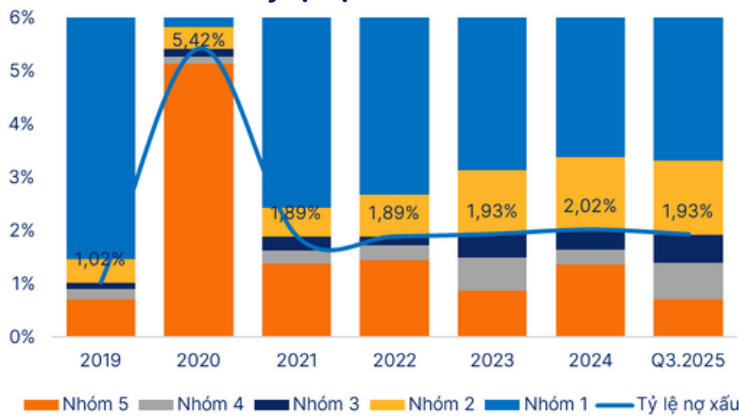
Năm 2024, tỷ lệ chi phí hoạt động trên thu nhập hoạt động (CIR) của Ngân hàng ở mức trên 50% thu nhập hoạt động, với chi phí hoạt động tăng 22,84% so với năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu do Ngân hàng tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng mục tiêu kinh doanh chuyển đổi số, số hóa sản phẩm dịch vụ và hoạt động quản trị nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động trong tương lai.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, tỷ lệ CIR giảm xuống còn gần 38%, phản ánh kết quả tích cực từ định hướng trên. Tỷ lệ CIR giảm mạnh do chi phí nhân viên trong 9T2025 giảm 22% so với cùng kỳ khi Ngân hàng giảm 12% số lượng nhân viên, đa số là nhân viên giao dịch. Số lượng nhân viên giảm trong khi quy mô chi nhánh, phòng giao dịch không thay đổi cho thấy hiệu suất lao động được đẩy mạnh nhờ đóng góp của chuyển đổi số.

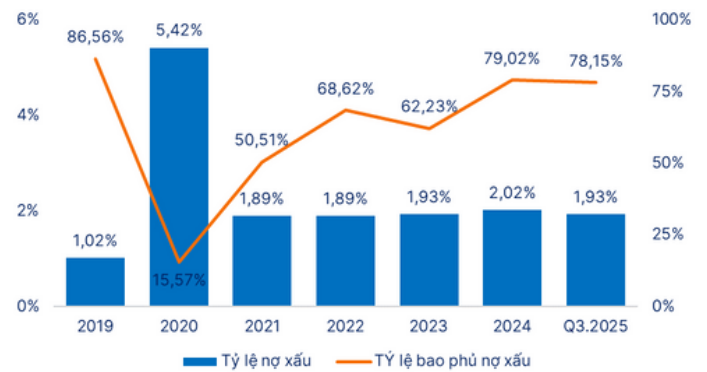
Sau diễn biến giảm mạnh chi phí hoạt động nhờ tiết giảm chi phí trong năm 2025, chi phí hoạt động của KLB khó có khả năng tiếp tục giảm mạnh trong năm 2026. Tuy nhiên xét về dài hạn, với sự hỗ trợ của công nghệ và hoạt động kinh doanh tiếp tục mở rộng, KLB có cơ sở tiếp tục giảm tỷ lệ CIR xuống mức trung bình của ngành trong những năm tiếp theo, hiện khoảng 32,7% tại thời điểm cuối Q3.2025.

Chất lượng tài sản cải thiện ở tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu

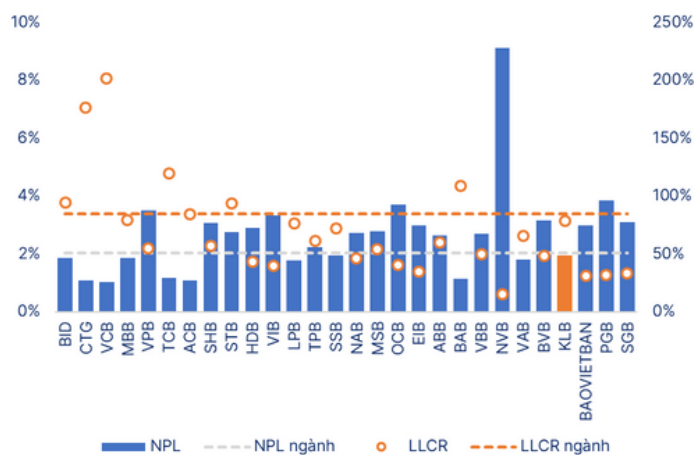
Tỷ lệ nợ xấu của KLB



Tỷ lệ bao phủ nợ xấu



Tỷ lệ nợ xấu và bao phủ nợ xấu một số Ngân hàng



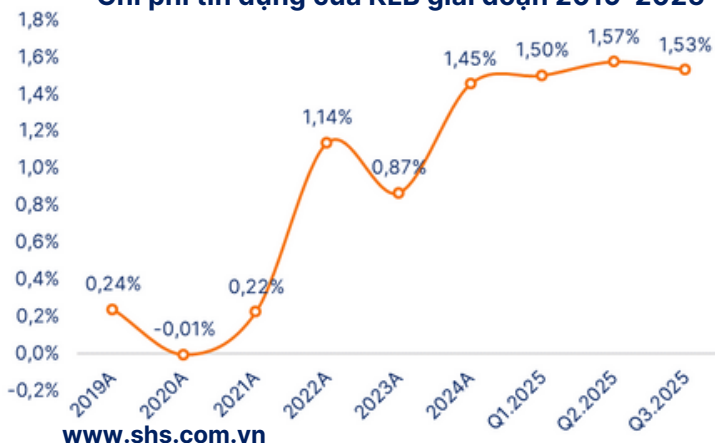
Tỷ lệ nợ xấu của KLB thấp hơn so với ngành và so với nhóm Ngân hàng cùng quy mô. Tỷ lệ nợ

xấu của KLB thời điểm cuối năm 2024 là 2,02% và giảm xuống 1,93% tại thời điểm cuối Q3.2025, thấp hơn mức 2,04% của ngành Ngân hàng và thấp hơn đáng kể so với nhóm Ngân hàng cùng quy mô. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu của KLB tại thời điểm Q3.2025 là 78%, thấp hơn so với trung bình ngành (84,3%, nhờ tỷ lệ bao phủ cao vượt trội của nhóm Ngân hàng quốc doanh), tuy nhiên vẫn ở mức cao so với nhóm Ngân hàng quy mô nhỏ.

Xét theo nhóm khách hàng, tỷ lệ nợ xấu tại KLB tập trung tại nhóm khách hàng cá nhân do chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19. Tỷ lệ nợ xấu của Khách hàng doanh nghiệp lớn được kiểm soát tốt ở mức 0,29%, Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) ở mức 0,07%.

Xét theo ngành nghề/lĩnh vực, nợ xấu phát sinh chủ yếu đến từ một số doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh của yếu tố vĩ mô trong giai đoạn 2020–2024, như xuất nhập khẩu, công nghiệp và các ngành có mức độ phụ thuộc cao vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các khoản vay này đều được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm là bất động sản, tạo cơ sở để ngân hàng xử lý và thu hồi các quyền lợi liên quan.

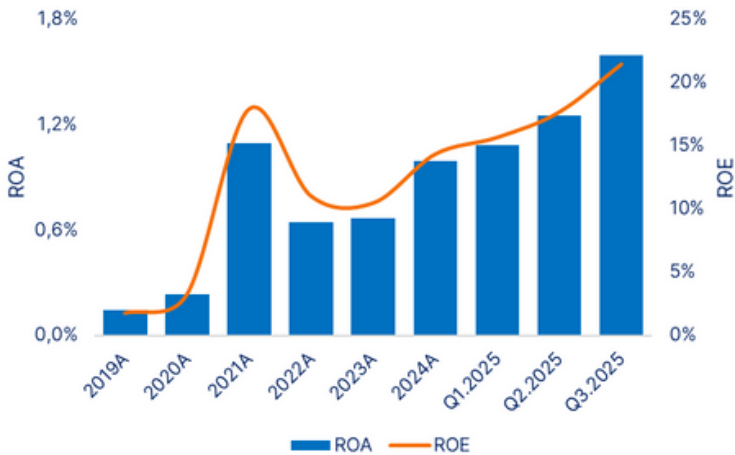
Chi phí tín dụng của KLB giai đoạn 2019-2025



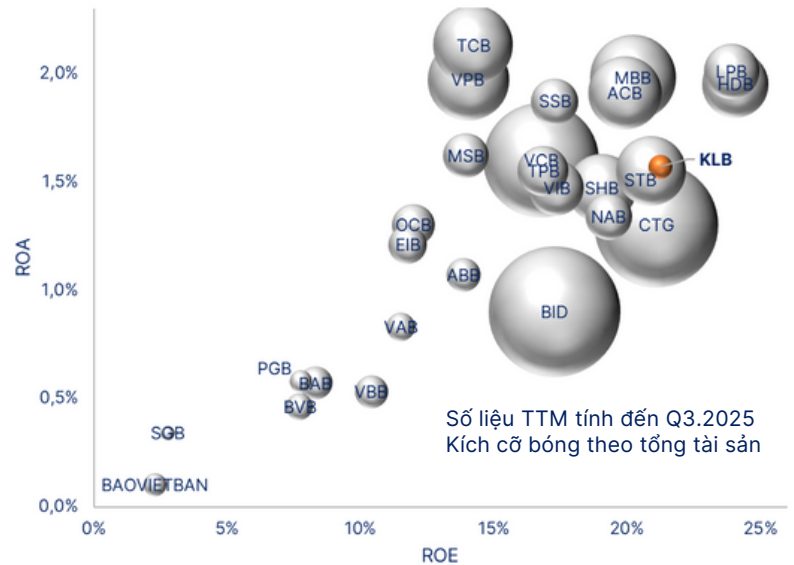
KQKD khả quan tạo điều kiện cho KLB ghi nhận tăng chi phí tín dụng, tạo bộ đệm dự phòng giúp tỷ lệ bao phủ nợ xấu cải thiện mạnh từ năm 2024. Chi phí tín dụng tính trượt 4 quý tính đến Q3.2025 là 1,53%, tiếp tục tăng so với mức 1,45% của cả năm 2024. Với thực tế tỷ lệ nợ xấu có xu hướng tăng trên toàn ngành, chúng tôi cho rằng KLB sẽ duy trì tỷ lệ chi phí tín dụng khoảng 1,5% trong năm 2026 nhằm tiếp tục tăng bộ đệm dự phòng.

Hiệu quả sử dụng vốn ở mức cao trong ngành, cao hơn đáng kể nhóm ngân hàng quy mô nhỏ

Hiệu quả sử dụng vốn của KLB giai đoạn 2019-2025



Hiệu quả sử dụng vốn một số ngân hàng



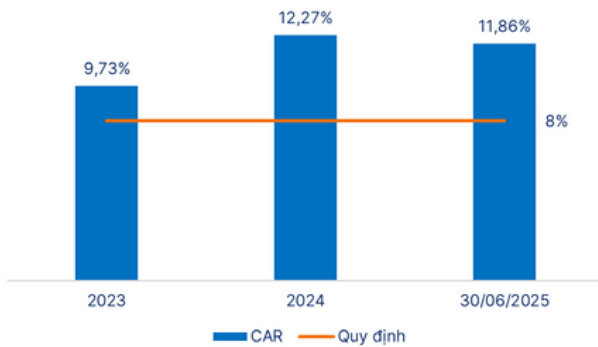
Hiệu quả sử dụng vốn của KLB cải thiện đáng kể từ năm 2021 khi Ngân hàng xử lý xong khoản nợ xấu trị giá gần 1.900 tỷ đồng được đảm bảo bằng cổ phiếu STB, giúp khơi thông dòng vốn kinh doanh. Với xu hướng dịch chuyển dòng tín dụng sang ngành nghề có NIM cao hơn và sử dụng hiệu quả hơn nguồn vốn, thể hiện ở tỷ lệ LDR có xu hướng tăng từ năm 2022, hiệu quả sử dụng vốn ROE của KLB tăng mạnh từ mức 14,4% năm 2024 lên 21,5% tính trượt 4 quý tính đến Q3.2025.

Xét trung bình toàn ngành, tỷ lệ ROE của KLB hiện tại ở mức cao trong ngành, tương đương nhóm NHTMCP lớn. Hiệu quả sử dụng vốn của KLB cao vượt trội so với nhóm NHTMCP quy mô nhỏ.

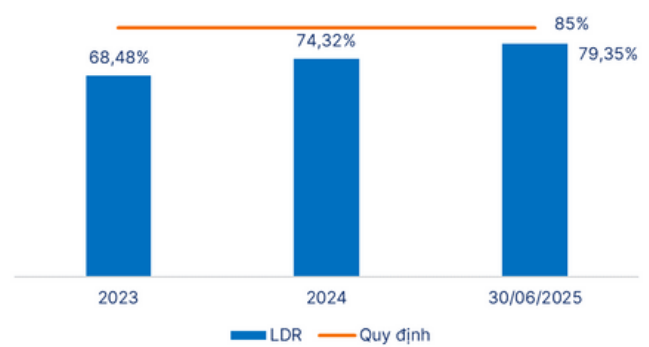


Đảm bảo các chỉ tiêu an toàn, tiên phong trong áp dụng TT14 của NHNN

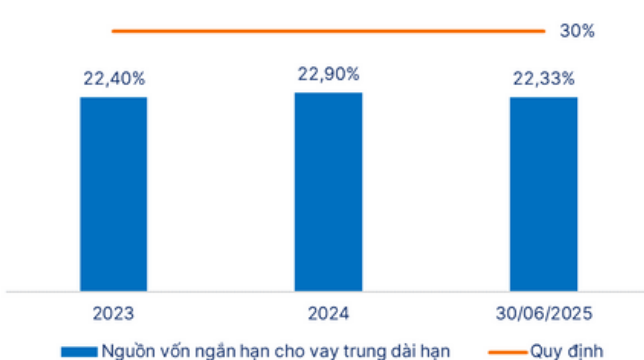
Tỷ lệ an toàn vốn CAR cao hơn yêu cầu



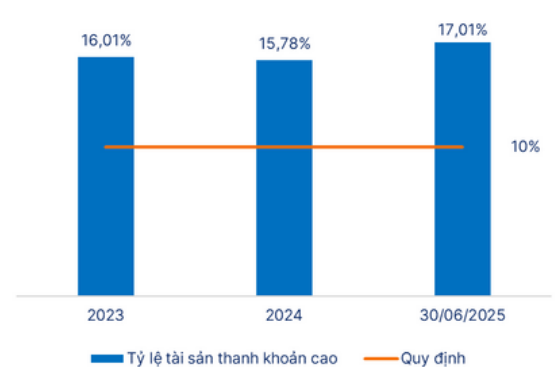
Tỷ lệ cho vay trên vốn huy động thấp hơn trần quy định



Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn



Tỷ lệ dự trữ thanh khoản



Các chỉ tiêu an toàn vốn của KLB đều đảm bảo ở mức cao so với quy định. Tỷ lệ cho vay trên vốn huy động của KLB tại thời điểm cuối Q2.2025 là 79%, thấp hơn đáng kể so với ngành, là dư địa để KLB tiếp tục mở rộng hoạt động tín dụng.

Sau khi triển khai thành công Basel II, KienlongBank đã chủ động triển khai Basel III từ năm 2023 theo lộ trình toàn diện trên cả ba trụ cột nhằm nâng cao chất lượng vốn, năng lực thanh khoản, khả năng chống chịu và phục hồi trước các biến động, qua đó góp phần hạn chế rủi ro mang tính hệ thống. Trong năm 2025, Ngân hàng đã hoàn thiện các chuẩn mực Basel III về vốn và thanh khoản, thể hiện bước đi chủ động đón đầu các yêu cầu quản lý đối với ngân hàng thương mại.

KienlongBank cũng đã công bố Báo cáo phát triển bền vững ESG theo tiêu chuẩn quốc tế với 4 chủ đề lớn để đưa vào vận hành trong điều kiện và môi trường thực tế.

Năm 2025, khi NHNN ban hành Thông tư 14 quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với NHTM, KienlongBank là ngân hàng tiên phong áp dụng sớm Thông tư 14/2025/TT-NHNN theo chuẩn Basel III. Quyết định đi trước này thể hiện tầm nhìn chiến lược của Ngân hàng trong việc coi tuân thủ chuẩn mực an toàn vốn không chỉ là yêu cầu pháp lý, mà là lợi thế cạnh tranh dài hạn, góp phần nâng cao khả năng chống chịu trước biến động kinh tế, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và hướng tới tăng trưởng bền vững.

DỰ BÁO KQKD 2025 VÀ TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2026

KQKD năm 2025 dự kiến vượt 54% kế hoạch đặt ra

KLB đặt kế hoạch kinh doanh năm 2025 với kế hoạch lợi nhuận sau thuế 1.103 tỷ đồng, tăng 24% so với năm 2024. 9T2025, KLB đã đạt 1.103 tỷ đồng LNST, vượt 11,3% so với kế hoạch cả năm. Ước tính KLB đạt 1.691 tỷ đồng LNST trong năm 2025, tăng 90% so với năm trước, hoàn thành 154% kế hoạch.

Triển vọng kinh doanh năm 2026:

- Về tăng trưởng tín dụng, năm 2025, KLB được Ngân hàng Nhà nước giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 17%. Trên cơ sở kết quả hoạt động tích cực trong năm 2025 và đáp ứng ở mức cao các tỷ lệ an toàn, ngân hàng kỳ vọng sẽ được cấp hạn mức tín dụng cho năm 2026 trong khoảng 13%-15%, phù hợp với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững.
- Về mặt bằng lãi suất và NIM, KLB kỳ vọng có thể duy trì hệ số NIM trong năm 2026 khi tăng trưởng tín dụng toàn ngành dự kiến tăng trưởng chậm lại sau năm 2025 tăng nóng.
- Về nợ xấu, ngân hàng tiếp tục kiên định chiến lược tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát rủi ro, nâng cao chất lượng tài sản và đẩy mạnh công tác thu hồi, xử lý nợ. KienlongBank kỳ vọng tỷ lệ nợ xấu trong năm 2026 sẽ được duy trì tương đương năm 2025, phù hợp với khẩu vị rủi ro và thấp hơn mặt bằng chung của ngành.

Với diễn biến này, hoạt động kinh doanh của KLB dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong năm 2026 với tốc độ tăng trưởng ước khoảng 15%. KLB có thể ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực hơn trong trường hợp thu nhập khác từ xử lý nợ xấu tiếp tục diễn biến khả quan trong năm 2026.

Dự báo KQKD của KLB năm 2025-2026

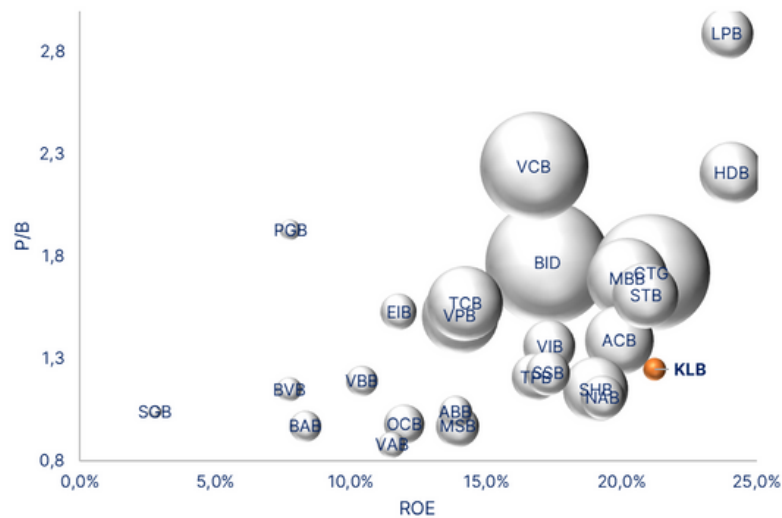
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	9T2025	YoY	2025E	YoY	2026F	YoY
Thu nhập lãi thuần	2.711	13%	3.772	18%	4.482	19%
Thu nhập ngoài lãi	839	78%	1.093	43%	1.198	10%
Tổng TNHĐ	3.550	24%	4.865	23%	5.680	17%
Chi phí hoạt động	-1.346	-17%	-1.849	-9%	-2.158	17%
Thu nhập trước chi phí	2.204	76%	3.016	56%	3.522	17%
Chi phí DPRR TD	-667	35%	-894	9%	-1.077	21%
LNTT	1.537	102%	2.123	91%	2.444	15%
LNST	1.228	102%	1.698	91%	1.955	15%

GIÁ CỔ PHIẾU ĐƯỢC GIAO DỊCH Ở MỨC P/B THẤP SO VỚI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Hiệu quả sử dụng vốn của KLB giai đoạn 2019-2025



Hiệu quả sử dụng vốn của KLB giai đoạn 2019-2025



Hiện KLB đang được giao dịch ở mức P/B 1,25x, thấp hơn đáng kể so với P/B trung bình ngành Ngân hàng (1,69x) và thấp nhất so với các Ngân hàng có hệ số ROE tương đương. Định giá của KLB thấp so với hiệu quả hoạt động một phần do Ngân hàng giao dịch tại sàn UPCOM, có thanh khoản thấp hơn đáng kể so với sàn HSX.

Với kết quả lợi nhuận dự kiến cả năm 2025, hệ số P/B của KLB sẽ giảm xuống 1,18x, tương đương mức P/B trung bình giai đoạn 2017-2025 của KLB. Hệ số định giá P/B của KLB đang ở mức hấp dẫn trong bối cảnh hiệu quả kinh doanh đang cải thiện tích cực. Có thể kỳ vọng KLB sẽ được định giá lại với hệ số định giá tiến đến trung bình ngành khi niêm yết và giao dịch trên sàn HSX.

PHỤ LỤC - BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU LIÊN QUAN

VND Million	2024	2025E	2026F	VND Billion	2024	2025E	2026F
Bảng Cân đối kế toán				Báo cáo KQKD			
Tiền & các khoản tương đương	538	773	874	Thu nhập lãi	7.111	8.406	9.988
Tiền gửi NHNN	4.207	8.274	12.222	Chi phí lãi	-3.920	-4.634	-5.506
Tiền gửi & cho vay TCTD khác	15.505	18.140	20.499	Thu nhập lãi thuần	3.191	3.772	4.482
Chứng khoán kinh doanh	0	58	65	Thu từ dịch vụ	575	667	846
Cho vay khách hàng	60.452	70.548	79.626	Chi phí dịch vụ	-94	-52	-139
Chứng khoán đầu tư	2.974	6.612	5.702	Lãi/lỗ thuần hoạt động dịch vụ	480	615	707
Góp vốn đầu tư dài hạn	0	0	0	Lãi/lỗ thuần từ ngoại hối và vàng	42	57	57
Tài sản cố định	1.415	1.476	1.535	Lãi/lỗ thuần từ CK kinh doanh	0	0	0
Tài sản khác	7.085	8.290	9.367	Lãi/lỗ thuần từ CK đầu tư	26	51	60
Tổng tài sản	92.176	114.192	129.899	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	217	371	374
Nợ CP & NHNN	0	0	0	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	0	0	0
Tiền gửi & vay TCTD khác	15.126	23.487	26.540	Tổng thu nhập hoạt động	3.957	4.865	5.680
Tiền gửi KH	63.521	74.320	83.982	Chi phí hoạt động	-2.022	-1.849	-2.158
Phát hành GTCG	3.928	4.596	5.194	LN thuần trước DP RRTD	1.935	3.016	3.522
Nợ khác	2.883	3.374	3.812	Chi phí DPRRTD	-823	-894	-1.077
Tổng nợ phải trả	85.571	105.889	119.640	LNTT	1.112	2.123	2.444
Vốn của TCTD	3.619	5.810	5.810	Thuế TNDN	-225	-425	-489
Vốn điều lệ	3.653	5.845	5.845	LNST	887	1.698	1.955
Thặng dư	0	0	0				
Quỹ của TCTD	574	777	989	Định giá			
Lợi nhuận giữ lại	2.412	1.716	3.459	EPS (VND)	2.430	4.649	3.346
Tổng VCSH	6.605	8.303	10.258	BVPS (VND)	18.082	14.207	17.552
Lợi ích CĐTS	0	0	0	PER	4,69	3,60	4,84
Tổng nguồn vốn	92.176	114.192	129.899	PBR	0,63	1,18	0,92
Tăng trưởng				Chất lượng tài sản			
Huy động	11,8%	17,0%	13,0%	NPL	2,02%	2,00%	2,00%
Tín dụng	16,8%	17,0%	13,0%	LLCR	79,02%	92,35%	98,05%
Tổng tài sản	6,0%	23,9%	13,8%				
VCSH	14,7%	25,7%	23,5%	Hiệu quả hoạt động			
NII	56,6%	18,2%	18,8%	NIM	3,90%	3,99%	3,99%
TOI	42,2%	23,0%	16,8%	NOII/TOI	19,34%	22,46%	21,09%
Chi phí hoạt động	22,8%	-8,6%	16,8%	ROA	0,99%	1,65%	1,60%
LNTT	54,7%	90,9%	15,1%	ROE	14,36%	22,78%	21,07%
LNST	54,6%	91,3%	15,1%	CIR	51,09%	38,00%	38,00%

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Nâng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá từ 10% - 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá đến 10% trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá 20% trở lên trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

MỌI THÔNG TIN XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ

Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tòa nhà SHS, Số 43 Lý Thường Kiệt,
phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô
Quyền, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình
Lý, phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

www.shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số 36 Bùi
Thị Xuân, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ
Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: shs.com.vn



Tel: 84.24.38181888



Email: contact@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SHTrading

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: trading.shs.com.vn